

Số: /TTr-BYT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO**TỜ TRÌNH****Nghị định quy định chính sách trợ giúp xã hội và trợ cấp hưu trí xã hội**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Y tế chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan soạn thảo Nghị định quy định chính sách trợ giúp xã hội và trợ cấp hưu trí xã hội trình Chính phủ xem xét, ban hành như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN**1. Cơ sở chính trị, pháp lý****a) Cơ sở chính trị**

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng tiếp tục nhấn mạnh yêu cầu hoàn thiện hệ thống chính sách xã hội theo hướng hiện đại, hiệu quả, lấy con người làm trung tâm của phát triển.

Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc trong giai đoạn mới; *trong đó ưu tiên hoàn thiện hệ thống trợ giúp xã hội theo hướng quan tâm cả đời sống vật chất và tinh thần, giúp người dân kịp thời khắc phục khó khăn do tác động của khủng hoảng kinh tế, xã hội, thiên tai, dịch bệnh và các rủi ro khác. Tiếp tục nâng mức chuẩn trợ giúp xã hội; Nhà nước ưu tiên hỗ trợ cho người không có khả năng lao động, người khuyết tật, người cao tuổi, người di cư và gia đình có trẻ em, người thu nhập thấp.*

Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia, đã đưa ra quan điểm chỉ đạo: *“Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia là đột phá quan trọng hàng đầu”.*

Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới đã đưa ra quan điểm chỉ đạo: *“Đẩy mạnh hội nhập quốc tế về khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, mở rộng không gian phát triển bền vững và hiện đại hóa đất nước. Nâng cao năng lực thực thi các cam kết, thỏa thuận quốc tế gắn với tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực thi và đẩy mạnh hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật trong nước”.*

Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, đã nêu nhiệm vụ: *“Khẩn trương sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật đáp ứng yêu cầu thực hiện chủ trương tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, sắp xếp đơn vị hành chính, gắn với phân cấp, phân quyền”*.

Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân đã đưa ra quan điểm chỉ đạo: *“Tăng cường vai trò kiến tạo của Nhà nước; “bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp và doanh nhân”; tôn vinh, cổ vũ, phát triển đội ngũ doanh nhân “thượng tôn pháp luật, tích cực thực hiện trách nhiệm xã hội”*”.

b) Cơ sở pháp lý

Điều 34 Hiến pháp năm 2013 quy định: “Công dân có quyền được bảo đảm an sinh xã hội”, đồng thời xác định trách nhiệm của Nhà nước trong việc tổ chức thực hiện các chính sách xã hội nhằm hỗ trợ, bảo vệ các nhóm dân cư yếu thế.

Khoản 3 Điều 18 Luật Người cao tuổi giao Chính phủ quy định chi tiết chính sách bảo trợ xã hội đối với người cao tuổi; chế độ trợ cấp nuôi dưỡng hằng tháng; cấp tư trang, vật dụng phục vụ cho sinh hoạt thường ngày; bảo hiểm y tế; cấp thuốc chữa bệnh thông thường; cấp dụng cụ, phương tiện hỗ trợ phục hồi chức năng; mai táng khi chết đối với người cao tuổi được tiếp nhận vào cơ sở bảo trợ xã hội.

Khoản 4 Điều 44 Luật Người khuyết tật giao Chính phủ quy định mức trợ cấp xã hội hằng tháng, mức hỗ trợ kinh phí chăm sóc hằng tháng đối với người khuyết tật hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng, đối tượng được hỗ trợ kinh phí chăm sóc hằng tháng; khoản 3 Điều 45 Luật Người khuyết tật giao Chính phủ quy định mức trợ cấp nuôi dưỡng hằng tháng và kinh phí nuôi dưỡng người khuyết tật trong cơ sở bảo trợ xã hội.

Khoản 2 Điều 10 Luật Trẻ em giao Chính phủ quy định chi tiết các nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và chính sách hỗ trợ phù hợp đối với từng nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. Khoản 5 Điều 41 Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) giao Chính phủ quy định chế độ chăm sóc trẻ em nhiễm HIV bị bỏ rơi, người nhiễm HIV không nơi nương tựa, không còn khả năng lao động được chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội của Nhà nước.

Khoản 11 Điều 25 Luật Ngân sách nhà nước năm 2025 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ trong đó Chính phủ quyết định các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách thực hiện thống nhất trong cả nước.

Khoản 1 Điều 22 Luật Bảo hiểm xã hội quy định: *“Mức trợ cấp hưu trí xã hội hằng tháng do Chính phủ quy định phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và khả năng của ngân sách nhà nước từng thời kỳ. Định kỳ 03 năm, Chính phủ thực hiện rà soát, xem xét việc điều chỉnh mức trợ cấp hưu trí xã hội.”*

Khoản 14 Điều 42 Luật Phòng, chống thiên tai quy định trách nhiệm của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (nay là Bộ Y tế) *“Căn cứ vào tình hình thiệt hại, nhu cầu cứu trợ, đề xuất chính sách hỗ trợ cho các địa phương để sớm ổn định đời sống nhân dân vùng bị thiên tai, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định”*. Điểm b

khoản 1 Điều 14 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định Chính phủ ban hành Nghị định để quy định: “*các biện pháp để thực hiện chính sách kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, tài chính*”.

Tại điểm d khoản 2 Nghị quyết số 265/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XV đã quyết nghị: “*Điều chỉnh một số loại phụ cấp, mức lương cơ sở, lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hằng tháng, trợ cấp ưu đãi người có công, trợ cấp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội theo Kết luận số 206-KL/TW ngày 10/11/2025 của Bộ Chính trị*”.

Cụ thể hoá chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội (Nghị định số 20/2021/NĐ-CP), Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP (Nghị định số 76/2024/NĐ-CP), Nghị định số 176/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật bảo hiểm xã hội về trợ cấp hưu trí xã hội (Nghị định số 176/2025/NĐ-CP), Nghị định số 147/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế (Nghị định số 147/2025/NĐ-CP) và một số văn bản pháp luật khác liên quan.

Ngày 16/01/2025, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 125/QĐ-TTg ban hành chương trình công tác năm 2026 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, trong đó giao cho Bộ y tế trình ban hành Nghị định quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội (thay thế Nghị định số 20/2021/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 76/2024/NĐ-CP)

Để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với hệ thống pháp luật liên quan đến việc sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, tạo cơ sở pháp lý cho các bộ, ngành, địa phương thực hiện thì cần thiết phải xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 20/2021/NĐ-CP và Nghị định số 176/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025.

2. Cơ sở thực tiễn

a) Kết quả thực hiện chính sách trợ giúp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội

Thực hiện Nghị định số 20/2021/NĐ-CP và Nghị định số 176/2024/NĐ-CP, năm 2025, cả nước thực hiện trợ cấp xã hội và trợ cấp hưu trí xã hội hằng tháng cho khoảng 4,5 triệu người (tăng khoảng 1,6 triệu người so với năm 2024), trong đó có 2 triệu người đang hưởng chế độ trợ cấp xã hội hằng tháng và 2,5 triệu người cao tuổi hưởng chế độ trợ cấp hưu trí xã hội hằng tháng. Tổng ngân sách thực hiện là 45.000 tỷ đồng/năm. Hiện 97% tỉnh, thành phố thực hiện chi trả thông qua đơn vị dịch vụ chi trả, 100% địa phương đã triển khai chi trả không dùng tiền mặt, 2,4 triệu đối tượng nhận tiền bằng tài khoản ngân hàng.

Thời gian qua, đã có 16 tỉnh quy định mở rộng đối tượng thụ hưởng và 05 tỉnh, thành nâng mức hỗ trợ cao hơn mức quy định tại Nghị định số 76/2024/NĐ-CP và Nghị định số 176/2025/NĐ-CP, cụ thể: Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh (650.000 đồng/tháng), thành phố Hải Phòng và tỉnh Quảng Ninh (700.000 đồng/tháng), tỉnh Tuyên Quang (530.000 đồng/tháng). Việc nâng mức chuẩn trợ

giúp xã hội, mức chuẩn trợ cấp hưu trí xã hội và mở rộng đối tượng thụ hưởng chính sách đã từng bước đáp ứng được nhu cầu trợ giúp xã hội của một bộ phận dân cư có hoàn cảnh khó khăn.

Trong công tác trợ giúp xã hội khẩn cấp, các bộ, ngành và địa phương đã chủ động theo dõi, ứng phó và hỗ trợ dân sinh. Khi thiên tai, các đồng chí Lãnh đạo Đảng và Nhà nước, Lãnh đạo các Bộ, ngành đã trực tiếp đi làm việc, chỉ đạo và thăm hỏi, động viên, hỗ trợ các gia đình và trẻ em có hoàn cảnh khó khăn bị ảnh hưởng bởi thiên tai. Các địa phương đã chủ động bảo đảm nhu yếu phẩm, nguồn lực hỗ trợ dân sinh (mai táng người chết, mất tích, chữa trị người bị thương; sửa chữa làm nhà ở bị đổ, sập, hư hỏng; hỗ trợ lương thực và nhu yếu phẩm thiết yếu đối với người thiếu lương thực và nhu yếu phẩm). Đồng thời, tổ chức thăm hỏi, động viên các gia đình và cá nhân bị thiệt hại. Năm 2025, Chính phủ hỗ trợ 42.097,94 tấn gạo cho 157.830 hộ với 674.942 nhân khẩu thiếu đói dịp Tết, giáp hạt và do ảnh hưởng của thiên tai; trong đó 6.039,6 tấn gạo hỗ trợ dịp Tết; 4.267,02 tấn hỗ trợ thiếu đói giáp hạt và 31.791,32 tấn gạo cứu đói cho người dân bị ảnh hưởng bởi thiên tai.

b) Tồn tại, hạn chế về chính sách cần tiếp tục sửa đổi, bổ sung

- Mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ cấp hưu trí xã hội thấp: Hiện nay, mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ cấp hưu trí xã hội theo quy định tại các Nghị định số 20/2021/NĐ-CP, Nghị định số 176/2025/NĐ-CP, Nghị định số 76/2024/NĐ-CP vẫn còn thấp, chưa đảm bảo mức sống tối thiểu, chưa bảo đảm mối quan hệ tương quan với các chính sách bảo hiểm xã hội, giảm nghèo hay ưu đãi người có công, cụ thể: mức chuẩn 500.000 đồng/tháng hiện chỉ bằng 22,7% chuẩn nghèo nông thôn và 17,8% chuẩn nghèo đô thị theo quy định mới.

- Chưa có quy định về chế độ thăm hỏi, tặng quà của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Lãnh đạo các Bộ, ngành đối với người dân khi bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn và các sự cố bất khả kháng khác (đối tượng cần trợ giúp khẩn cấp): Trong thực tiễn, nhiều năm qua, Lãnh đạo Đảng, Nhà nước thăm hỏi, động viên một số trường hợp người dân bị ảnh hưởng nặng nề bởi thiên tai, thảm họa là hoạt động có ý nghĩa chính trị - xã hội quan trọng, nhưng hiện chưa có quy định chung về đối tượng và mức chi trong một văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ. Các quy định này hiện mới chỉ được áp dụng riêng lẻ cho một số nhóm đối tượng đặc thù (như người có công tại Nghị định số 75/2021/NĐ-CP và Nghị định số 77/2024/NĐ-CP; đồng bào dân tộc thiểu số tại Nghị định số 127/2024/NĐ-CP).

- Chưa có quy định đầy đủ về định mức chi phí sinh hoạt cho đối tượng bảo trợ xã hội và vận hành cơ sở trợ giúp xã hội: Các nội dung quy định trong Nghị định 20/2021/NĐ-CP mới chỉ quy định mức tiền ăn; các nội dung quy định về trang phục, học tập, chăm sóc sức khỏe, vui chơi giải trí hoặc đầu tư, nâng cấp sửa chữa, cải tạo, duy tu bảo dưỡng, mua sắm trang thiết bị được quy định tại Quyết định số 565/QĐ-TTg ngày 25/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu phát triển hệ thống trợ giúp xã hội giai đoạn 2016-2020, Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị, Quyết định

số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022 và các hướng dẫn chi sự nghiệp tại Thông tư số 98/2017/TT-BTC ngày 29/9/2017 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện chương trình mục tiêu phát triển hệ thống trợ giúp xã hội giai đoạn 2016-2020, Thông tư số 03/2022/TT-BTC ngày 12/01/2022 quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình phát triển công tác xã hội, trợ giúp người khuyết tật, trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần, trẻ em tự kỷ và người rối nhiễu tâm trí dựa vào cộng đồng giai đoạn 2021-2030, gây khó khăn cho quá trình lập dự toán, quyết toán và phân bổ ngân sách cho các địa phương hằng năm.

- Trình tự và thủ tục giải quyết chính sách trợ giúp xã hội vẫn chưa được quy định đồng bộ theo hướng số hóa hoàn toàn trên môi trường điện tử: Quy trình giải quyết chính sách hiện nay chưa tái cấu trúc hoàn toàn trên môi trường điện tử. Thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ về cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính, cần đẩy mạnh dịch vụ công trực tuyến toàn trình, kết nối nền tảng dữ liệu dân cư và định danh điện tử nhằm thực hiện dịch vụ công toàn trình, tối ưu hóa chi phí và nâng cao hiệu quả quản lý theo định hướng Chính phủ số.

3. Về hình thức và tên gọi của Nghị định

a) Về hình thức

Tại Quyết định số 125/QĐ-TTg ngày 16/01/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành chương trình công tác năm 2026 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, trong đó giao cho Bộ Y tế trình ban hành Nghị định quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội (thay thế Nghị định số 20/2021/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 76/2024/NĐ-CP).

Thực hiện Nghị quyết số 265/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XV đã quyết nghị: “*Điều chỉnh một số loại phụ cấp, mức lương cơ sở, lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hằng tháng, trợ cấp ưu đãi người có công, trợ cấp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội theo Kết luận số 206-KL/TW ngày 10/11/2025 của Bộ Chính trị;*”, các nội dung điều chỉnh trợ cấp đối với đối tượng bảo trợ xã hội và trợ cấp hưu trí xã hội đang được quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP và Nghị định số 176/2025/NĐ-CP.

Qua rà soát các nội dung liên quan của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP và Nghị định số 176/2025/NĐ-CP, dự thảo Nghị định mới dự kiến sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ 28/39 Điều (chiếm 72% tổng số điều) của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP và sửa đổi, bổ sung 03/06 điều (chiếm 50% tổng số điều quy định về nội dung) của Nghị định số 176/2025/NĐ-CP.

Căn cứ quy định tại điểm b khoản 4 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, trường hợp văn bản dự kiến sửa đổi, bổ sung trên 50% số điều thì phải ban hành văn bản mới để thay thế văn bản hiện hành. Do đó, Bộ Y tế đề xuất hình thức là Nghị định thay thế Nghị định số 20/2021/NĐ-CP và Nghị định số 176/2025/NĐ-CP để đảm bảo tính hệ thống, tránh chồng chéo và tạo thuận lợi tối đa trong quá trình thực hiện chính sách tại địa phương.

b) Về tên gọi

Bộ Y tế đề xuất tên gọi của văn bản là: “Nghị định quy định chính sách trợ giúp xã hội và trợ cấp hưu trí xã hội” để đảm bảo phản ánh rõ ràng phạm vi điều chỉnh bao gồm cả chính sách trợ giúp xã hội và trợ cấp hưu trí xã hội.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích

Thể chế hóa chủ trương của Đảng tại Văn kiện Đại hội XIV và Nghị quyết số 42-NQ/TW về xây dựng hệ thống an sinh xã hội đa tầng, hiện đại, toàn diện, lấy con người làm trung tâm, “không để ai bị bỏ lại phía sau”. Việc ban hành Nghị định nhằm bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật; kịp thời nâng mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ cấp hưu trí xã hội, mở rộng đối tượng và chế độ thụ hưởng; đồng thời đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và phù hợp với mô hình chính quyền địa phương mới.

2. Quan điểm xây dựng Nghị định

Nghị định được xây dựng nhằm thể chế hóa đầy đủ chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng về an sinh xã hội; bảo đảm tính đồng bộ thông qua việc tích hợp các văn bản quy phạm liên quan; kế thừa các quy định phù hợp kết hợp với sửa đổi chính sách theo hướng nâng mức trợ cấp tương quan và đẩy mạnh chuyển đổi số. Đặc biệt, các quy định về trình tự, thủ tục được thiết kế tinh gọn, hiện đại nhằm bảo đảm tính khả thi, phù hợp với mô hình tổ chức và thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, tạo sự minh bạch và thuận lợi tối đa cho người dân trong tiếp cận chính sách.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Cơ quan chủ trì soạn thảo đã tuân thủ quy trình, thủ tục xây dựng dự thảo Nghị định theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 78/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 187/2025/NĐ-CP), cụ thể:

1. Ban hành Kế hoạch xây dựng Nghị định.
2. Thành lập Tổ soạn thảo, tổ chức các cuộc họp Tổ soạn thảo, tiến hành mời các thành viên thuộc Bộ, ngành liên quan tham gia.
3. Tổ chức tổng kết, đánh giá công tác thi hành Nghị định số 20/2021/NĐ-CP và Nghị định số 76/2024/NĐ-CP trên phạm vi toàn quốc.
4. Xây dựng dự thảo Nghị định và hồ sơ dự thảo Nghị định.
5. Tổ chức lấy ý kiến các bộ, ngành, địa phương, các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan bằng văn bản; đăng tải hồ sơ dự thảo Nghị định trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Y tế từ ngày 01/04/2026 đến ngày 10/04/2026; đăng tải bản tổng hợp ý kiến tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Y tế (từ ngày 20/4/2026 - 20/5/2026).
6. Thực hiện thủ tục gửi Bộ Tư pháp thẩm định hồ sơ dự thảo Nghị định; tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị định.
7. Bộ Y tế rà soát, chỉnh lý và hoàn thiện dự thảo Nghị định trình Chính

phủ xem xét, ban hành.

IV. BỐ CỤC, NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Nghị định này quy định về chính sách trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng; nhận chăm sóc, nuôi dưỡng tại cộng đồng; trợ giúp khẩn cấp; chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội và trợ cấp hưu trí xã hội.

2. Bố cục của dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định gồm 08 Chương, 35 Điều, cụ thể như sau:

- Chương I: Quy định chung (từ Điều 1 đến Điều 4).
- Chương II: Quy định về trợ giúp thường xuyên tại cộng đồng và trợ cấp hưu trí xã hội (từ Điều 4 đến Điều 11).
- Chương III: Quy định về trợ giúp khẩn cấp (từ Điều 12 đến Điều 14).
- Chương IV: Quy định về chăm sóc, nuôi dưỡng tại cộng đồng (từ Điều 15 đến Điều 20).
- Chương V: Quy định về chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội (từ Điều 21 đến Điều 26).
- Chương VI: Kinh phí thực hiện (từ Điều 27 đến Điều 29).
- Chương VII: Tổ chức thực hiện (từ Điều 30 đến Điều 32).
- Chương VIII: Điều khoản thi hành (từ Điều 33 đến Điều 35).

3. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định

3.1. Các nội dung sửa đổi, bổ sung

a) Về mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ cấp hưu trí xã hội

Đảng ủy Chính phủ có Tờ trình số 06-TTr/ĐU ngày 29/10/2025 trình Bộ Chính trị về việc điều chỉnh mức lương cơ sở tăng khoảng 8%; đồng thời điều chỉnh lương hưu, trợ cấp người có công, trợ cấp đối với các đối tượng bảo trợ xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội tăng 8% từ ngày 01/7/2026. Bộ Chính trị đã có Kết luận số 206-KL/TW ngày 10/11/2025 thống nhất với đề xuất của Đảng ủy Chính phủ.

Từ các căn cứ nêu trên, Bộ Y tế đề xuất Chính phủ xem xét, quyết định điều chỉnh mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ cấp hưu trí xã hội từ 500.000 đồng lên 540.000 đồng (tăng 8%), dự kiến thực hiện từ ngày 01/7/2026.

b) Về cắt giảm và thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến, toàn trình

Nhằm kế thừa tính ổn định của Nghị định 147/2025/NĐ-CP và phù hợp với mô hình chính quyền 02 cấp, dự thảo quy định: Giao UBND cấp xã là đầu mối duy nhất tiếp nhận, xét duyệt và quyết định trợ cấp; thực hiện quy trình trực tuyến toàn trình từ khâu nộp hồ sơ đến trả kết quả qua Cổng Dịch vụ công quốc gia; thực hiện cắt giảm 50% thành phần hồ sơ và thời gian thực hiện nhờ cơ chế liên thông, khai thác trực tiếp từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, giúp giảm tối đa chi phí tuân thủ cho người dân.

c) Về chế độ thăm hỏi, tặng quà đối tượng cần trợ giúp khẩn cấp

Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội đáp

ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc trong giai đoạn mới đã xác định: *“ưu tiên hoàn thiện hệ thống trợ giúp xã hội theo hướng quan tâm cả đời sống vật chất và tinh thần, giúp người dân kịp thời khắc phục khó khăn do tác động của khủng hoảng kinh tế, xã hội, thiên tai, dịch bệnh và các rủi ro khác”*.

Tại khoản 14 Điều 42 Luật Phòng, chống thiên tai quy định trách nhiệm của Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội (nay là Bộ Y tế) *“Căn cứ vào tình hình thiệt hại, nhu cầu cứu trợ, đề xuất chính sách hỗ trợ cho các địa phương để sớm ổn định đời sống nhân dân vùng bị thiên tai, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định”*; tại khoản 6 Điều 27 Luật Phòng, thủ dân sự số 18/2023/QH15 quy định biện pháp khắc phục hậu quả sự cố, thảm họa: *“Ban hành, thực hiện chính sách, biện pháp hỗ trợ đặc biệt về an sinh xã hội, lao động, việc làm”*; tại điểm b khoản 1 Điều 14 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định Chính phủ ban hành Nghị định để quy định: *“các biện pháp để thực hiện chính sách kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, tài chính”*.

Để thể chế hóa chủ trương, quy định nêu trên, dự thảo Nghị định bổ sung quy định cụ thể về chế độ thăm hỏi, tặng quà của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước đối với người dân bị thiệt hại trong các tình huống khẩn cấp hoặc sự cố bất khả kháng. Việc bổ sung nội dung này không chỉ hoàn thiện cơ sở pháp lý để thực hiện đồng bộ chính sách an sinh xã hội, mà còn thể hiện sâu sắc sự quan tâm của Đảng, Nhà nước đối với người dân bị ảnh hưởng nặng nề bởi thiên tai, thảm họa.

d) Về chuẩn hoá chế độ đối với đối tượng được chăm sóc tại cơ sở trợ giúp xã hội và kinh phí vận hành cơ sở trợ giúp xã hội

- Về chế độ ăn uống, cấp vật dụng sinh hoạt cho đối tượng: Khoản 1, khoản 4 Điều 25 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP đã quy định mức trợ cấp nuôi dưỡng và quy định đối tượng được cấp vật dụng phục vụ cho sinh hoạt thường ngày (chăn, màn, chiếu, quần áo, khăn mặt, ...) nhưng chưa có định mức, mức chi cụ thể. Trên cơ sở đề xuất của các địa phương, dự thảo Nghị định đã cụ thể hóa mức chi cho nội dung trên, đồng thời bổ sung quy định về chế độ ăn uống cho đối tượng trong các dịp lễ, tết.

- Về hỗ trợ mua sắm trang thiết bị, phương tiện, công cụ, dụng cụ hỗ trợ phục hồi chức năng, hướng nghiệp nghề nghiệp, văn hoá thể thao, hoà nhập; chi phí về điện, nước sinh hoạt và các chi phí khác:

Hiện nay, chi cho các cơ sở trợ giúp xã hội công lập đang được thực hiện theo quy định tại một số văn bản: Quyết định số 565/QĐ-TTg ngày 25/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu phát triển hệ thống trợ giúp xã hội giai đoạn 2016-2020, Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị, Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022 và các hướng dẫn chi sự nghiệp tại Thông tư số 98/2017/TT-BTC ngày 29/9/2017 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện chương trình mục tiêu phát triển hệ thống trợ giúp xã hội giai đoạn 2016-2020, Thông tư số 03/2022/TT-BTC ngày 12/01/2022 quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự

nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình phát triển công tác xã hội, trợ giúp người khuyết tật, trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần, trẻ em tự kỷ và người rối nhiễu tâm trí dựa vào cộng đồng giai đoạn 2021-2030.

Trong khi đó, tại các cơ sở có tính chất tương đồng (cùng chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng) như cơ sở điều dưỡng người có công, các định mức này đã được quy định rất cụ thể tại Nghị định số 75/2021/NĐ-CP ngày 24/7/2021 của Chính phủ quy định mức hưởng trợ cấp, phụ cấp và các chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng.

Do vậy, trên cơ sở kế thừa các quy định hiện hành đối với cơ sở trợ giúp xã hội và bảo đảm mối tương quan với các cơ sở điều dưỡng người có công, trên cơ sở đề xuất của các địa phương và hướng dẫn của Bộ Tài chính, dự thảo Nghị định quy định:

+ Về mua sắm trang thiết bị, phương tiện, công cụ, dụng cụ phục vụ công tác chuyên môn: Quy định mức hỗ trợ tối đa 15 triệu đồng/đối tượng/năm và không quá 1,5 tỷ đồng/năm/cơ sở. Định mức chi nêu trên hiện nay đang được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg.

+ Về các định mức chi vận hành và phục hồi chức năng: Dự thảo quy định mức chi thuốc thông thường, dụng cụ phục hồi chức năng (tối đa bằng mức chuẩn trợ giúp xã hội nhân với hệ số 20) và chi phí vận hành điện, nước, vệ sinh (tối đa bằng mức chuẩn trợ giúp xã hội nhân với hệ số 15).

Việc quy định cụ thể các định mức này nhằm luật hóa các nội dung hiện đang thực hiện nhưng chưa có sự thống nhất, đảm bảo sự tương đồng về chất lượng dịch vụ giữa các cơ sở trên toàn quốc và tạo hành lang pháp lý minh bạch cho việc lập dự toán, quyết toán ngân sách địa phương.

3.2. Các nội dung về phân cấp, phân quyền: Kế thừa Nghị định số 147/2025/NĐ-CP, dự thảo Nghị định giao một cơ quan giải quyết thủ tục hành chính là Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định trợ cấp hưu trí xã hội, hỗ trợ chi phí mai táng và thực hiện chi trả chế độ chính sách nhằm phát huy tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm, phù hợp với điều kiện, trình độ quản lý phân cấp.

3.3. Các nội dung về ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số: dự thảo Nghị định đã quy định các thủ tục hành chính trên môi trường điện tử để thể chế hoá chủ trương về việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

3.4. Các vấn đề còn ý kiến khác nhau cần xin ý kiến cấp có thẩm quyền và kiến nghị phương án giải quyết.

Dự thảo Nghị định đã nhận được sự thống nhất cao của các Bộ, ngành. Tuy nhiên, trong quá trình lấy ý kiến và khảo sát thực tế, một số địa phương và cử tri, nhân dân đề nghị cần sớm nâng mức chuẩn trợ giúp xã hội lên mức 600.000 đồng/tháng để phù hợp với thực tế mức sống tối thiểu hiện nay. Tiếp thu ý kiến nêu trên, đồng thời để đảm bảo tính khả thi và phù hợp với khả năng cân đối ngân sách, Bộ Y tế kính trình Chính phủ xem xét, cho ý kiến về lộ trình

điều chỉnh mức chuẩn trợ giúp xã hội theo 02 phương án như sau:

a) Phương án 1: Từ ngày 01/7/2026, áp dụng mức chuẩn trợ giúp xã hội 540.000 đồng/tháng.

- Lý do đề xuất: Thực hiện chỉ đạo của Bộ Chính trị tại Kết luận số 206-KL/TW ngày 10/11/2025, Bộ Chính trị đã đồng ý chủ trương điều chỉnh lương cơ sở, lương hưu, trợ cấp người có công và trợ cấp bảo trợ xã hội tăng khoảng 8% (tương đương mức chuẩn 540.000 đồng/tháng) từ ngày 01/7/2026.

- Ưu điểm: Việc lựa chọn phương án này đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ trong việc thực hiện các chính sách an sinh xã hội theo đúng định hướng của Đảng, Nhà nước.

- Nhược điểm: Chưa đáp ứng được kỳ vọng và kiến nghị của một số địa phương và nhân dân; mức 540.000 đồng chỉ mới đáp ứng khoảng 24,5% chuẩn nghèo nông thôn và 19,2% chuẩn nghèo đô thị.

b) Phương án 2:

Từ ngày 01/7/2026, áp dụng mức chuẩn trợ giúp xã hội 540.000 đồng/tháng.

Từ ngày 01/7/2027, điều chỉnh nâng mức chuẩn trợ giúp xã hội từ 540.000 đồng/tháng lên 600.000 đồng/tháng.

- Lý do đề xuất: Trên cơ sở tổng hợp ý kiến đề xuất của một số tỉnh, thành phố và người dân đề nghị nâng mức 600.000 đồng để đảm bảo mức sống tối thiểu cho đối tượng, giúp đối tượng yếu thế tiếp cận gần hơn với chuẩn nghèo.

- Ưu điểm: Thực hiện lộ trình thể chế hóa Nghị quyết 42-NQ/TW về nâng cao chất lượng chính sách xã hội. Việc nâng lên 600.000 đồng giúp mức trợ cấp đáp ứng 27,3% chuẩn nghèo nông thôn và 21,4% chuẩn nghèo đô thị, góp phần nâng cao đời sống cho đối tượng.

- Nhược điểm: Tổng chi ngân sách nhà nước cho an sinh xã hội sẽ tăng thêm so với phương án 1 kể từ 01/7/2027 (ước tính tăng thêm 4.255 tỉ so với năm 2026).

Trên cơ sở đó, Bộ Y tế kính trình Chính phủ xem xét phê duyệt Phương án 1 để thực hiện theo chỉ đạo của Bộ Chính trị tại Kết luận số 206-KL/TW. Sau giai đoạn 2026-2027, căn cứ vào tình hình phát triển kinh tế - xã hội và khả năng ngân sách, Bộ Y tế sẽ phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tiếp tục nghiên cứu, đề xuất lộ trình điều chỉnh phù hợp cho giai đoạn tiếp theo.

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH

1. Tác động về nguồn lực

Dự thảo Nghị định không làm tăng biên chế cán bộ, không tăng chi phí hành chính, chỉ tăng kinh phí hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng ở mức độ hợp lý và ngân sách có thể cân đối bổ sung được.

- Về nâng mức chuẩn trợ cấp xã hội, mức trợ cấp hưu trí xã hội:

Với khoảng 4,5 triệu đối tượng thụ hưởng, dự kiến kinh phí ngân sách nhà nước chỉ tăng thêm mỗi tháng là 304 tỷ đồng, ngân sách nhà nước năm 2026 chỉ

tăng thêm là 1.824 tỷ đồng (thực hiện từ 01/7/2026). Mức chi này nằm trong khả năng phân bổ của ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030. Ngân sách địa phương tự bảo đảm đối với các trường hợp nâng mức chuẩn trợ giúp xã hội và mở rộng đối tượng thụ hưởng.

- Về chế độ đối với đối tượng được chăm sóc tại cơ sở trợ giúp xã hội và kinh phí vận hành cơ sở trợ giúp xã hội: Theo quy định hiện hành, ngân sách nhà nước đã và đang thực hiện chi trả các khoản này dựa trên thực tế phát sinh tại cơ sở theo Quyết định số 565/QĐ-TTg ngày 25/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu phát triển hệ thống trợ giúp xã hội giai đoạn 2016-2020, Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị, Thông tư số 98/2017/TT-BTC và Thông tư số 03/2022/TT-BTC của Bộ Tài chính (về cơ sở trợ giúp xã hội). Tuy nhiên, các văn bản hiện hành mới chỉ quy định nguyên tắc chung mà chưa có định mức chi cụ thể, thống nhất cho từng nhóm nhiệm vụ. Do đó, việc đưa nội dung này vào dự thảo Nghị định là hết sức cần thiết nhằm luật hóa các định mức chi, tạo cơ sở pháp lý đồng bộ để các địa phương chủ động lập dự toán và thống nhất triển khai thực hiện trên toàn quốc.

- Về độ thăm hỏi, tặng quà, động viên đối với đối tượng có hoàn cảnh khó khăn khi bị ảnh hưởng và thiệt hại bởi thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn cũng như các sự cố bất khả kháng khác hoặc nhân dịp Tết Nguyên đán: Dự kiến khoảng 05 tỷ đồng/năm tại cấp Trung ương, cấp địa phương tự cân đối và bố trí nguồn lực từ địa phương.

3. Tác động về thủ tục hành chính và việc phân quyền, phân cấp trong dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định tập trung cắt giảm 50% thành phần hồ sơ giấy nhờ cơ chế liên thông, khai thác trực tiếp từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, giúp giảm tối đa chi phí tuân thủ cho người dân Rút ngắn 30% thời gian giải quyết TTHC so với quy định của Nghị định 147/2025/NĐ-CP và Nghị định số 176/NĐ-CP (từ 10 ngày xuống 07 ngày làm việc). Việc đánh giá tác động được thực hiện chặt chẽ, đảm bảo tính hợp pháp, không gây chồng chéo và minh bạch về chi phí tuân thủ.

6. Về tính tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên

Nội dung dự thảo Nghị định hướng đến quyền được hưởng an sinh xã hội trong các Công ước và điều ước quốc tế Việt Nam tham gia (Tuyên ngôn thế giới về nhân quyền năm 1948, Công ước về Quyền của Người khuyết tật, Công ước quốc tế về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ, Công ước quốc tế về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc (Việt Nam đã phê chuẩn vào năm 1982...), không có nội dung quy định mang tính phân biệt, trái với các Công ước và điều ước quốc tế.

7. Thời gian trình ban hành Nghị định

Bộ Y tế đề nghị hiệu lực thi hành của Nghị định vào 01/7/2026 phù hợp lộ trình cải cách tiền lương Nghị quyết số 265/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XV.

Trên đây là Tờ trình đề nghị xây dựng Nghị định quy định chính sách trợ giúp xã hội và trợ cấp hưu trí xã hội, Bộ Y tế xin kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định./

(Xin gửi kèm theo: (1) Dự thảo Tờ trình Chính phủ; (2) Dự thảo Nghị định; (3) Báo cáo tổng kết việc thi hành Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2024; (4) Báo cáo tổng kết thi hành Nghị định số 176/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về trợ cấp hưu trí xã hội; (5) Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo Nghị định; (6) Bảng tổng hợp tiếp thu giải trình ý kiến góp ý, phản biện xã hội; (7) Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp nhiệm vụ, quyền hạn, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; (8) Bản chụp văn bản góp ý của các Bộ, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị và ý kiến nhân dân).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Lưu: VT, BTXH.

BỘ TRƯỞNG

Đào Hồng Lan